

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THÀNH PHỐ THANH HOÁ

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỈNH THANH HÓA

Bản án số: 307/2023/HS - ST.

Ngày 22/8/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Dũng

Ông Lê Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tố Quyên, Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Hồng Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 310/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2023; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 336/2023/QĐXXST - HS ngày 20 tháng 7 năm 2023 và QĐ hoãn phiên tòa số 90/QĐ - HPT ngày 04/8/2023 đối với các bị cáo:

1. **Trần Thị H** - sinh năm: 1973; nơi cư trú: **Phố L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa 07/9; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn Lượ** (đã chết) và bà **Phạm Thị T** (đã chết); chồng là **Nguyễn Mạnh H1**

và có 03 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không, tạm giữ, tạm giam không; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Mạnh T1** - sinh ngày 16/11/2001; nơi cư trú: **Phố L, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa**; nghề nghiệp: LĐTĐ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Mạnh H1** và bà **Trần Thị H**; vợ là **Tôn Thị Mỹ L** và có 01 con sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ, tạm giam không; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Chị **Trần Thị V** - Sinh năm: 1983; nơi cư trú: **S M, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa**. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị **Trần Thị V**, sinh năm 1983, trú tại **O M, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa** có nợ **Trần Thị H** số tiền 13.500.000đ từ năm 2021 (nợ tiền mua hàng) đã bị đòi nhiều lần nhưng không trả. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 16/12/2022, **H** gặp chị **V** tại **chợ T2, phường N, thành phố T** do đã đòi chị **V** nhiều lần nhưng không được, nên khi thấy chị **V** thì **H** tiếp tục đòi nợ. Chị **V** tiếp tục khất nợ và điều khiển xe mô tô BKS 29H-226.82 bỏ đi, **H** cũng điều khiển xe mô tô theo sát chị **V**. Khi đến gần **chung cư R** thì **H** yêu cầu chị **V** đứng lại và cả hai có lời qua tiếng lại với nhau. **H** yêu cầu chị **V** trả tiền nhưng chị **V** vẫn tiếp tục xin khất nợ, do đó **H** nói “*bây giờ không có tiền thì đẩy xe về nhà*”. Chị **V** không đồng ý và không giao chìa khóa xe, lúc này **H** gọi điện thoại cho con trai là **Nguyễn Mạnh T1**, mấy phút sau thì **T1** cùng vợ là **Tôn Nữ Mỹ L1**, sinh năm 2004, trú tại **phố L, phường Đ, thành phố T** đến. Khi đến thì chị **L1** do đang mang bầu nên đứng cách khoảng 10m và không biết sự việc gì xảy ra, khi thấy chồng to tiếng có can ngăn, sau đó **L1** tự đi về trước. Khi đến gặp chị **V**, **T1** cũng yêu cầu chị **V** trả nợ và nói nếu bây giờ không trả thì đẩy xe về nhà **T1**. Chị **V** vẫn không đồng ý nên **T1** dùng tay tát một cái vào mặt chị **V**, rồi dùng tay túm cổ áo chị **V**, sau đó lấy mũ bảo hiểm ném vào người chị **V**, nhưng không trúng, bị đánh nên chị **V** đã lấy điện thoại ra định gọi thì bị **H** giật luôn chiếc điện thoại và nói với chị **V** “*Bây giờ tao lấy xe máy về nhà, lúc nào trả tiền xuống nhà mang xe về*” và đồng thời cầm luôn cả điện thoại đã giật của chị **V**, lúc này chị **V** vẫn không đồng ý giao xe nên không đưa chìa khóa xe và đứng cạnh xe để giữ xe, thì bị **H** đẩy ra, sau đó **H** và **T1** đẩy xe của chị **V** đưa về nhà mình. Sau khi chiếm đoạt xe mô tô và điện thoại, chị **Trần Thị V** đã đến **công an phường L** trình báo.

Tại biên bản xem xét dấu vết thân thể hồi 14 giờ 00 phút ngày 16/12/2022 tại Công an phường L, thành phố T đối với chị V gồm: 05 vết sưng tấy đỏ tại vùng cổ phía bên trái. Ngoài ra không còn vết thương nào khác. Chị V trình bày thêm, ngoài các vết thương trên chị V còn thấy đau ở các vị trí: vùng quai hàm má trái, vùng đỉnh đầu và vùng ngực trái. Các vết thương trên do T1 gây nên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 12/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản UBND thành phố T, kết luận: 01 (một) xe mô tô BKS: 29H2-226.82, nhãn hiệu “Honda Vision”, màu đen xám, số khung: 5830LY112978, số máy: JF86E2391706 trị giá 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu “SAMSUNG J7” màu hồng, số IMEI 355228/08/344893/4, mua năm 2018 trị giá 1.000.000đ (một triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô BKS: 29H2-226.82, nhãn hiệu “Honda Vision”, màu đen xám và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu “SAMSUNG J7” màu hồng, số IMEI 355228/08/344893/4 xác định chủ sở hữu hợp pháp là Trần Thị V. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu trả lại cho chủ sở hữu là chị V.

Về phần trách nhiệm dân sự: Gia đình bà Trần Thị H đã bồi thường cho chị Trần Thị V số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Chị V không có yêu cầu đề nghị gì về phần dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với thương tích của Trần Thị V: Cơ quan Cảnh sát Công an điều tra Công an thành phố T đã ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích đối với chị V nhưng do thương tích không đáng kể nên chị V không đi giám định cũng như không yêu cầu đề nghị gì về thương tích.

Đối với chiếc mũ bảo hiểm T1 đã dùng để ném chị V nhưng không trúng, là loại mũ thời trang không đạt chuẩn, sau đó vứt tại ven đường. Cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với chiếc xe mô tô BKS: 36B4 - 541.60, nhãn hiệu Honda Vision mà Trần Thị H và Nguyễn Mạnh T1 sử dụng để đẩy chiếc xe mô tô BKS: 29H2- 226.82 của chị V về nhà, Cơ quan điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của Dương Mạnh C, sinh năm 1995, trú tại E Đ, phường L, thành phố T, nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

Đối với việc Dương Mạnh C cho bà Trần Thị H mượn chiếc xe nhưng không biết việc bà H sử dụng chiếc xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội. Vậy nên không có căn cứ xử lý đối với C.

Đối với chị Tôn Thị Mỹ L là vợ của T1 khi đến cùng T1, nhưng do mang bầu, đứng cách xa, và không biết sự việc gì xảy ra, khi thấy chồng to tiếng có can ngăn nhưng sau đó L đi về trước, nên không có căn cứ xử lý đối với L.

Cáo trạng số 256/CTr -VKS ngày 12/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo **Trần Thị H** và **Nguyễn Mạnh T1** về tội “Cướp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 168 của BLHS.

Phần luận tội đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như quyết định của bản cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng; khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của BLHS (đối với **H** và **T1**). Đề nghị xử phạt bị cáo **Trần Thị H**, bị cáo **Nguyễn Mạnh T1** 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả cho bị hại đầy đủ, bị hại không có yêu cầu gì, nên miễn xét. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, nguyên nhân dẫn đến phạm tội để cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T**, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại gì, Hội đồng xét xử tiến hành theo thủ tục chung.

[2]. Các căn cứ định tội đối với bị cáo: Về lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay so với lời khai của các bị cáo đã khai trước đây tại cơ quan điều tra đều có sự thống nhất, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và vật chứng đã thu được, cùng tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Do bức xúc vì bị nợ tiền mua hàng đã lâu và đòi nhiều lần nhưng không được, nên khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 16/12/2022 tại gần khu vực **chung cư R, phường L, thành phố T**. Trong khi đòi nợ của chị **Trần Thị V**, **Trần Thị H** và **Nguyễn Mạnh T1** đã dùng tay tát, bóp cổ chị **V** làm cho chị **V** không thể kháng cự được, sau đó chiếm đoạt chiếc xe máy và điện thoại. Tổng giá trị chiếm đoạt là 26.000.000đ (Hai sáu triệu đồng chẵn). Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận; Hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Cướp tài sản”. Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 của BLHS.

[3] Trong vụ án này không có chủ định phạm tội từ trước, do bột phát chỉ vì xuất phát từ việc bị hại vay tiền của bị cáo **Trần Thị H** chưa trả và do sự thiếu hiểu biết về pháp luật, nên các bị cáo đã dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc làm cho bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại là chị **Trần Thị V**.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân nói riêng mà còn xâm phạm đến tính mạng sức khỏe của người khác nói chung, cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo.

[4] Vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với các bị cáo:

Trong vụ án này bị cáo **Trần Thị H** đã yêu cầu **Nguyễn Mạnh T1** lấy chiếc xe máy và giật điện thoại của bị hại là chị **Trần Thị V** để buộc chị **V** phải trả nợ, còn **Nguyễn Mạnh T1** sau khi được mẹ đẻ là bị cáo **Trần Thị H** điện thoại đến để giải quyết với bị hại, thì **Nguyễn Mạnh T1** đã dùng tay tát và bóp cổ bị hại nhằm mục đích giúp sức cho **Trần Thị H** chiếm đoạt xe máy và điện thoại, nên xếp vai trò của bị cáo **Trần Thị H** cao hơn bị cáo **Nguyễn Mạnh T1** là phù hợp.

Cả 02 bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có chung tình tiết giảm nhẹ TNHS là tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo và tại phiên tòa tỏ ra ăn năn hối cải với việc làm của mình; bị hại cũng có một phần lỗi là nợ tiền lâu không trả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho cả 2 bị cáo và bị cáo **H** có bố chồng **Nguyễn Mạnh L2** được Hội đồng Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng 3. Bị cáo **Trần Thị H** có thêm tình tiết giảm nhẹ tham gia ủng hộ các cháu làng trẻ **SOS tỉnh T**. Các tình tiết giảm nhẹ TNHS được áp dụng cho các bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ TNHS cũng như vai trò của từng bị cáo được xếp vai trò của **Trần Thị H** cao hơn **Nguyễn Mạnh T1**, vì bị cáo **Trần Thị H** lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo **Nguyễn Mạnh T1**, nên xếp mức án của 02 bị cáo bằng nhau là phù hợp. Vì các bị cáo nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS, hơn nữa do nhận thức pháp luật bị hạn chế không nghĩ việc đòi nợ như vậy là dẫn đến phạm tội, mặt khác trong cùng một vụ án cả 2 bị cáo là mẹ con, theo chính sách khoan hồng của pháp luật, nghĩ nên chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội, mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục theo quy định tại Điều 65 của BLHS.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả cho bị hại đầy đủ, bị hại không có yêu cầu gì cần được công nhận.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của BLHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án (cả 02 bị cáo).

Tuyên bố: Các bị cáo **Trần Thị H** và **Nguyễn Mạnh T1** phạm tội: “Cướp tài sản”.

Xử phạt:

1. Bị cáo **Trần Thị H** 36(ba sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Bị cáo **Nguyễn Mạnh T1** 36 (ba sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo **Trần Thị H** và **Nguyễn Mạnh T1** cho **UBND phường Đ, TP T, tỉnh Thanh Hóa** giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của BLHS.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận bị hại đã nhận đủ tài sản do các bị cáo chiếm đoạt.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Quyết định bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.
Bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo; bị hại;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSNDTPTH;
- Công an TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án/.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lan Anh